

이/가

trợ từ chủ ngữ

Đánh dấu ai hoặc cái gì thực hiện hành động. Dùng dạng nào trong hai dạng chỉ phụ thuộc vào một điều duy nhất: danh từ có kết thúc bằng phụ âm hay không.

Cách kết hợp

Loại danh từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng phụ âm	이	학생이
Kết thúc bằng nguyên âm	가	친구가
나 (tôi, thân mật)	내가	내가 — không phải 나가
저 (tôi, lịch sự)	제가	제가 — không phải 저가
너 (bạn, thân mật)	네가	네가 — nói thành 니가
누구 (ai)	누가	누가 — không phải 누군가
Chủ ngữ kính ngữ	께서	선생님께서

Khi nào dùng

이/가 chỉ ra chủ thể hành động. Trong câu 고양이가 자요, con mèo là đối tượng đang ngủ, và chính trợ từ cho bạn biết điều đó — chỉ dựa vào trật tự từ trong tiếng Hàn thì không đủ.

Ngoài chức năng cơ bản đó, 이/가 còn mang một tín hiệu thứ hai mà tiếng Việt không có từ tương đương: nó trình bày danh từ như thông tin mới hoặc được chọn ra. Khi trả lời câu hỏi 누가 왔어요? thì câu trả lời bắt buộc dùng 이/가, vì mục đích chính của câu trả lời là xác định đó là người nào. Đây là điểm khác biệt khiến người học hay nhầm, và cũng là lý do 이/가 và 은/는 không thể thay thế cho nhau dù cả hai đều có thể gắn vào chủ ngữ.

Nó cũng là bắt buộc, không phải tùy chọn, sau một số vị ngữ nhất định: 있다, 없다, 되다, 아니다, và các tính từ miêu tả trạng thái đều đi với chủ ngữ mang 이/가.

Ví dụ trong câu

- 1

동생이 지금 자요.
Em tôi bây giờ đang ngủ.
- 2

친구가 한국에서 왔어요.
Một người bạn đã đến từ Hàn Quốc.
- 3

시간이 없어요.
Không có thời gian.
- 4

누가 이 책을 읽었어요?
Ai đã đọc cuốn sách này?
- 5

제가 하겠습니다.
Tôi sẽ làm.
- 6

할아버지께서 신문을 보세요.
Ông đang đọc báo.

So sánh với

은/는

은/는 đánh dấu chủ đề — điều câu nói đang bàn đến, hoặc điều đang được đối chiếu. 이/가 đánh dấu chủ ngữ và trình bày nó như thông tin mới. Cả hai có thể gắn vào cùng một danh từ, và việc hoán đổi chúng sẽ thay đổi điều mà người nghe hiểu là trọng tâm của câu.

제 이름은 마이클이에요. (tự giới thiệu: chủ đề là tên tôi) / 마이클이 제 이름이에요. (trong số các cái tên, Michael là tên của tôi)

Trả lời câu hỏi

Khi câu trả lời của bạn cung cấp phần thông tin còn thiếu, phần đó dùng 이/가. Dùng 은/는 ở đó nghe như bạn đang chuyển chủ đề.

누가 왔어요? → 마이클이 왔어요. (đúng) / 마이클은 왔어요. (còn Michael thì có đến — nhưng những người khác thì sao?)

께서

Dạng kính ngữ của 이/가, dùng khi chủ ngữ là người bạn đang thể hiện sự tôn trọng. Động từ thường đi kèm -(으)시- cho tương ứng.

선생님께서 오셨어요. / 친구가 왔어요.

Lưu ý

- ✗ 나가 할게요.

○ 내가 할게요.

나와 저 biến đổi hình dạng trước 가. Không có 나가 hay 저가 — chỉ có 내가 và 제가. Đây là lỗi phổ biến nhất của người mới học khi nói.
- ✗ 누군가 왔어요?

○ 누가 왔어요?

누구 rút gọn thành 누 trước 가. Dạng đầy đủ vẫn giữ nguyên ở chỗ khác, như trong 누구를 hoặc 누구예요.
- ✗ 친구이 왔어요.

○ 친구가 왔어요.

Chọn theo chữ cái cuối của danh từ, không theo nghĩa hay cảm giác về từ. 친구 kết thúc bằng nguyên âm nên đi với 가.